

Số: 159/KH-CĐSL

Sơn La, ngày 12 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

I. CÁC CĂN CỨ BAN HÀNH KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW ngày 04/4/2025 của Ủy ban kiểm tra trung ương Kế hoạch giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban bí thư trung ương Đảng;
- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;
- Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 23-KH/ĐU ngày 30/5/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh Sơn La tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Sơn La triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ đến năm 2030;
- Kết luận số 148-KL/TW ngày 08/4/2025 Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả kiểm tra một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025;

- Kế hoạch số 327-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 148-KL/TW ngày 08/4/2025 Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả kiểm tra một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư;

- Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Công văn số 2401/UBND- KGVX ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 131/KH-CĐSL ngày 10/5/2023 của Trường Cao đẳng Sơn La thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ đến năm 2030.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kết luận số 148-KL/TW ngày 08/4/2025 Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Kế hoạch số 327-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW ngày 04/4/2025 của Ủy ban kiểm tra trung ương; Kế hoạch số 23-KH/ĐU ngày 30/5/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh Sơn La; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La và các văn bản có liên quan. Bảo đảm các đơn vị trực thuộc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển của nhà trường trong kỷ nguyên mới; Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; giảng viên, viên chức gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

- Xây dựng Trường cao đẳng Sơn La là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Là nơi ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới quản trị nhà trường, đổi mới cách dạy và học. Là trung tâm đào tạo, phát triển năng lực số cho HSSV và cho phong trào ‘Bình dân học vụ số’.

- Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao trong ban chấp hành Đảng ủy, các cấp ủy, các phòng, khoa, trung tâm đồng thuận triển khai thực hiện Nghị quyết; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản trị của Nhà trường.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Kế hoạch số 333-KH/TU; Kết luận số 148-KL/TW; Kế hoạch số 327-KH/TU; Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW; Kế hoạch số 23-KH/ĐU; Kế hoạch số 142/KH-UBND và các văn bản có liên quan.

- Giảng viên, viên chức và người lao động tại các phòng, khoa, trung tâm nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đào tạo nguồn nhân lực của nhà trường gắn với phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; tiếp tục phát huy, kế thừa hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản trị của Nhà trường đã và đang triển khai.

- Người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ đảng viên, viên chức gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tập trung vào lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh (các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến nông sản nâng cao giá trị sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh; ứng dụng công nghệ số trong phát triển du lịch của tỉnh).

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả sản phẩm cụ thể (tuần, tháng, 6 tháng, 1 năm, giai đoạn); có công cụ đo lường, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các đơn vị đảm bảo phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của đơn vị, có tính khả thi. Phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ để đưa ra các giải pháp hiệu quả.

- Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, bảo đảm tinh thần chủ động và trách nhiệm. Khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới của CBGV và HSSV.

III. MỤC TIÊU

- Triển khai và thực hiện 100% ứng dụng số, dữ liệu số do cấp trên có thẩm quyền chuyển giao.

- 100% viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học, công nghệ; nghiên cứu thúc đẩy cơ chế hợp tác với các trường đại học, cao đẳng uy tín trong nước về đào tạo khoa học, kỹ thuật, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trong nước để đào tạo và chuyển giao công nghệ¹

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Ban hành kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp rõ ràng, giao trách nhiệm, có lộ trình thực hiện cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn và từng lĩnh vực chuyên môn, từng đơn vị. Thiết lập hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện, gắn với chế độ báo cáo, kiểm tra thường kỳ.

- Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ; Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La vào việc thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, quý, năm, giai đoạn của nhà trường;

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu đơn vị với kết quả thực hiện kế hoạch của nhà trường, đưa kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thực hiện chuyển đổi số thành tiêu chí đánh giá chi bộ, đơn vị và đảng viên.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị

- Nội dung quán triệt tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, kế hoạch thực hiện của Nhà trường gắn với thực tiễn của tỉnh và nhà trường, cụ thể:

- + Xác định giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- + Xác định lộ trình hoàn thiện hệ thống nhà trường điện tử (gồm hạ tầng CNTT và các nền tảng số về dữ liệu, ứng dụng và kết nối phục vụ các hoạt động của nhà trường) đảm bảo tính kết nối liên thông nội bộ và với một số hệ thống khác.

- + Tập trung chỉ đạo các đơn vị thuộc nhà trường có Kế hoạch cụ thể đảm bảo nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển chuyển đổi số cho việc triển khai

¹ Mục tiêu 3,4,5 là nội dung giao nhiệm vụ cho Trường theo Công văn số 2401/UBND- KGVX ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh

thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

- Hình thức quán triệt: lồng ghép vào các buổi sinh hoạt định kỳ chuyên môn, hội nghị, hội thảo; các bài viết đăng tải trên trang thông tin nhà trường

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế, báo cáo viên về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia trao đổi, bồi dưỡng.

- Triển khai và thực hiện các ứng dụng số, dữ liệu số do cấp trên có thẩm quyền giao.

- Bổ sung tiêu chí đánh giá, xếp loại đơn vị, cá nhân gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và kết quả tham gia hoạt động khởi nghiệp sáng tạo

- Thực hiện kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phát động phong trào “học tập số” trở thành thường xuyên, liên tục.

- Triển khai khung năng lực số, nâng cao kiến thức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong giảng dạy và học tập.

- Phát động phong trào thi đua, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với nhà giáo có thành tích phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Nhà trường.

3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Tuyển dụng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ viên chức, giảng viên và người lao động trong Nhà trường. Xây dựng kế hoạch hàng năm về đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo gắn với KHCCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Đề xuất trong Quy chế chi tiêu nội bộ Nhà trường về các chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thu hút, giữ chân nhân tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và các tỉnh Bắc Lào.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường ứng dụng kỹ năng số, công nghệ mới về trí tuệ nhân tạo trong quản lý, trong truyền thông và trong giảng dạy.

- Tổ chức đánh giá nhà trường theo các tiêu chí trường học thông minh, các tiêu chí về chuyển đổi số.

- Khuyến khích thực hiện các đề tài khoa học về phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số gắn với thực tiễn của tỉnh bằng các giải pháp:

- + Đặt hàng nghiên cứu, đăng ký nhiệm vụ nghiên cứu theo định hướng của tỉnh.
- + Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu, đánh giá hiệu quả sau áp dụng.
- + Ứng dụng công nghệ AI và các công nghệ giáo dục khác.
- Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong HSSV:
- + Tổ chức cho HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.
- + Tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo trong đoàn viên, HSSV.
- + Hỗ trợ xây dựng các dự án khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp cho HSSV.
- Hợp tác bổ sung trong đào tạo nguồn nhân lực với tối thiểu 5 trường.
- Hợp tác tiếp nhận và chuyển giao KHCN với tối thiểu 02 trường (đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng).
- Tổ chức thực tế tại Doanh nghiệp cho 100% SV cao đẳng.

4. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng số và công nghệ số

- Tiếp tục bổ sung phần mềm quản lý tổng thể, chuẩn bị đầy đủ dữ liệu (biểu mẫu, trường thông tin, số hóa tài liệu...) để cập nhật vào hệ thống, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy vi tính, thiết bị,...).
- Hoàn thiện, khai thác hiệu quả nền tảng dạy học trực tuyến (LMS, LCMS), dữ liệu học tập, đánh giá kết quả học tập.
- Số hóa toàn bộ tài liệu giảng dạy, học liệu số; hệ thống ngân hàng câu hỏi thi.
- Bổ sung hệ thống phần mềm kiểm tra đánh giá (quản lý ngân hàng câu hỏi thi và tổ chức thi) đảm bảo sự liên thông dữ liệu trong nhà trường.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý điều hành hoạt động của nhà trường, cập nhật và khai thác hiệu quả CSDL từ bên ngoài đồng thời cập nhật, làm mới dữ liệu theo quy định:
 - + Ứng dụng AI trong quản lý điều hành, giảng dạy và truyền thông.
 - + Ứng dụng phần mềm quản lý tổng thể các hoạt động của Nhà trường.
 - + Cập nhật, khai thác các CSDL dùng chung của quốc gia, của ngành theo quy định (Cán bộ; tài sản; tài chính; văn bằng; tuyển sinh; đào tạo; đầu thầu).
- Tăng cường đầu tư và sử dụng phòng học thông minh, ứng dụng công nghệ thực tế ảo. Đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, giảm thiểu rác thải trong nhà trường:
 - + Đầu tư các thiết bị thông minh dùng chung (bảng tương tác, TV kết nối).
 - + Bổ sung các phần mềm thực tế ảo, khai thác hiệu quả các phần mềm đã trang bị.

- + Trang bị hệ thống đèn chiếu sáng dùng năng lượng mặt trời.
- + Áp dụng các giải pháp tái chế, sử dụng hiệu quả rác thải.

- Tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu trường học thông minh (gồm hạ tầng CNTT và các nền tảng số về dữ liệu, ứng dụng và kết nối phục vụ các hoạt động của nhà trường) đảm bảo tính kết nối liên thông nội bộ và với một số hệ thống khác.

- + Bổ sung máy chủ, hệ thống an toàn thông tin.
- + Xây dựng hệ thống CSDL của Nhà trường.

5. Giám sát, đánh giá

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra:

+ Tăng cường giám sát việc hoàn thiện quy định, quy chế nội bộ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; công tác phát triển, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Kịp thời có điều chỉnh khi phát hiện các dấu hiệu có thể không đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra.

+ Kiểm tra, giám sát thường xuyên hàng tuần, tháng, năm, giai đoạn: Việc triển khai các nội dung của kế hoạch, kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Giám sát thực hiện theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Ban Giám hiệu

- Trực tiếp chỉ đạo các đơn vị trực thuộc quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Quyết định các vấn đề quan trọng về điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp khi có sự thay đổi. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp, thực hiện nhiệm vụ.

- Xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong việc thực hiện Kế hoạch này; Khen thưởng, biểu dương điển hình tốt, đề xuất giải pháp mới trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phê duyệt kế hoạch theo giai đoạn, hàng năm, kiểm tra định kỳ.

2. Phòng Đào tạo

- Chủ trì làm đầu mối thực hiện kế hoạch, lập Kế hoạch thực hiện hàng năm; báo cáo Ban Giám hiệu kết quả thực hiện; tham mưu xây dựng báo cáo kết quả thực hiện gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở KH&CN).

3. Các đơn vị

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu thực hiện các nội dung Kế hoạch: Xây dựng lộ trình của đơn vị đạt các chỉ tiêu đến năm 2025, 2030, 2035, 2040, 2045 (*Có Phụ lục kèm theo*).

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc báo cáo Ban giám hiệu Nhà trường (*qua Phòng Đào tạo*) để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Sở GD&ĐT; Sở KH&CN (báo cáo);
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường (chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số: 159/KH-CĐSL ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Trường Cao đẳng Sơn La)

TT	Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp	Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045	Đơn vị chủ trì	Kết quả	Minh chứng
I. Mục tiêu									
1	- Triển khai và thực hiện 100% ứng dụng số, dữ liệu số do cấp trên chuyển giao.	100%	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	P. TCCB-HSSV	100%	VB triển khai, báo cáo
2	- 100% cán bộ, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành	100%	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	P. TCCB-HSSV	100%	VB triển khai, báo cáo
II. Nhiệm vụ, giải pháp									
II.1. Nâng cao nhận thức và thông tin, truyền thông									
1	- Quán triệt các văn bản								
	+ Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, họp tháng, sinh hoạt định kỳ...	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P. TCCB-HSSV	01 buổi/tháng	Sổ họp
	+ Mời chuyên gia, báo cáo viên	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P. TCCB-HSSV	02 lượt/năm	Kế hoạch, Hợp đồng, Báo cáo
2	- Triển khai và thực hiện các ứng dụng số, dữ liệu số do cấp trên chuyển giao.	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P. TCCB-HSSV	100%	Kế hoạch, báo cáo
4	- Bổ sung tiêu chí đánh giá, xếp loại đơn vị, cá nhân gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và kết quả tham gia hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P. TCCB-HSSV	Bổ sung 02 Quy chế	Đề xuất, Quyết định chỉnh sửa, bổ sung

5	- Thực hiện kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phát động phong trào “học tập số” trở thành thường xuyên, liên tục.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P. TCCB-HSSV	Các chỉ tiêu theo kế hoạch	Kế hoạch, Báo cáo kết quả
6	- Triển khai khung năng lực số trong Nhà trường, nâng cao kiến thức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong giảng dạy và học tập.	- Tháng 8/2025 triển khai khung NLS. - Trong năm triển khai các nội dung còn lại	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.ĐT	- 100% CTĐT cập nhật khung năng lực số. - 100%VC, nhà giáo và HSSV có các chứng chỉ kỹ năng số cơ bản.	- Quyết định ban hành - Văn bản chỉ đạo, Báo cáo kết quả cập nhật kỹ năng số (CBVC và HSSV)
							P.TCCB - HSSV	- Tập huấn ít nhất 01 đợt về đổi mới sáng tạo	- Kế hoạch, Hợp đồng, Báo cáo
7	- Phát động phong trào thi đua, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với nhà giáo có thành tích phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Tháng 8/2025	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	P. TCCB-HSSV	01 lần/năm	Kế hoạch, Báo cáo, Quyết định khen thưởng
8	- Xây dựng mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Nhà trường.	Tháng 8/2025	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	TTTS&HN	01 mô hình/năm	Kế hoạch, Báo cáo, Quyết định khen thưởng
II.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao									

1	- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Tuyển dụng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ viên chức, giảng viên và người lao động trong Nhà trường.	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	P.TCCB-HSSV	- Tổ chức 01 lớp/nội dung/năm(3 lớp). - Tuyển dụng, sử dụng đội ngũ không vượt số lượng được giao, bố trí VC theo vị trí việc làm.	Kế hoạch, Hợp đồng, Báo cáo
2	- Đề xuất trong Quy chế chi tiêu nội bộ Nhà trường về các chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thu hút, giữ chân nhân tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số.	Tháng 11/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.KH-TC	Bổ sung quy chế	Quyết định ban hành Quy chế
							P.ĐT		Đề xuất
3	- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và các tỉnh Bắc Lào.	Tháng 10/2025	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	Tháng 2 hàng năm	P.TCCB HSSV (chủ trì); P.ĐT (phối hợp)	Kế hoạch, Báo cáo	Kế hoạch, Báo cáo
4	- Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường ứng dụng kỹ năng số, công nghệ mới về trí tuệ nhân tạo trong quản lý, trong truyền thông và trong giảng dạy.	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.ĐT	Kế hoạch, Báo cáo	Kế hoạch, Báo cáo
5	- Tổ chức đánh giá nhà trường theo các tiêu chí trường học thông minh, các tiêu chí về chuyển đổi số.	Tháng 12 hàng năm	Tháng 12 hàng năm	Tháng 12 hàng năm	Tháng 12 hàng năm	Tháng 12 hàng năm	P.ĐT	Tổ chức 02 Hội đồng tự đánh giá	Kế hoạch, báo cáo tự đánh giá, minh chứng
6	- Khuyến khích thực hiện các đề tài khoa học về phát triển khoa học công nghệ,								

	chuyển đổi số gắn với thực tiễn của tỉnh bằng các giải pháp:								
	+ Đặt hàng nghiên cứu, đăng ký nhiệm vụ nghiên cứu theo định hướng của tỉnh.	Theo thời hạn của VB	Theo thời hạn của VB	Theo thời hạn của VB	Theo thời hạn của VB	Theo thời hạn của VB	P.ĐT, các Khoa	Đề xuất tối thiểu 01 nhiệm vụ ở cấp tỉnh và cấp trường	Thông báo định hướng; Thuyết minh đăng ký nhiệm vụ KHCN
	+ Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo;	20	25	30	35	40	P.ĐT, các Khoa	Đề tài, dự án	Đề tài, dự án
	+ Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành;	10	12	14	16	18	P.ĐT, các Khoa	Bài tạp chí	Bài tạp chí
	+ Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu, đánh giá hiệu quả sau áp dụng.	Tháng 8 hàng năm	Tháng 8 hàng năm	Tháng 8 hàng năm	Tháng 8 hàng năm	Tháng 8 hàng năm	P.ĐT, các Khoa	100% các đề tài đã nghiệm thu	Kế hoạch, Báo cáo
	+ Ứng dụng công nghệ AI và các công nghệ giáo dục khác.	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.HC-QT	100% CTĐT có ứng dụng KHCN, giải pháp kỹ thuật mới, tiên tiến	Hồ sơ dự án, Báo cáo
7	- Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong HSSV:								
	+ Tổ chức cho HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.	Tháng 5 hàng năm	Tháng 5 hàng năm	Tháng 5 hàng năm	Tháng 5 hàng năm	Tháng 5 hàng năm	Các khoa	- Tối thiểu 5 đề tài NCKH của HSSV/5 khoa/năm	Các Quyết định triển khai, công nhận

	+ Tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo trong đoàn viên, HSSV.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	TTTSHN	- 15% HSSV đề xuất các ý tưởng sáng tạo/giai đoạn	Kế hoạch, Quyết định công nhận
	+ Hỗ trợ xây dựng các dự án khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp cho HSSV.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	TTTSHN	- Tối thiểu 2 ý tưởng sáng tạo được xây dựng thành dự án khởi nghiệp/năm	Kế hoạch, Quyết định công nhận
8	- Hợp tác bổ sung trong đào tạo nguồn nhân lực với tối thiểu 5 trường.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	TTTSHN (chủ trì), P.ĐT (phối hợp)	Tối thiểu 5 trường	Văn bản hợp tác, báo cáo kết quả hợp tác
9	- Hợp tác tiếp nhận và chuyển giao KHCN với tối thiểu 02 trường (đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng).	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.ĐT (chủ trì), TTTSHN(phối hợp)	Tối thiểu 02 trường	Văn bản hợp tác, báo cáo kết quả hợp tác
10	- Tổ chức thực tế tại Doanh nghiệp cho 100% SV cao đẳng.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.ĐT (chủ trì), TTTSHN(phối hợp)	100% SV cao đẳng	Văn bản hợp tác, báo cáo kết quả hợp tác
II.3. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng số và công nghệ số									
1	- Tiếp tục bổ sung phần mềm quản lý tổng thể, chuẩn bị đầy đủ dữ liệu (biểu mẫu,	Trong năm 2025	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	P.HC-QT,	- Bổ sung 01 hệ thống	Hồ sơ dự án

	trường thông tin, số hóa tài liệu...) để cập nhật vào hệ thống, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy vi tính, thiết bị,...).						P.ĐT		Báo cáo kết quả triển khai
2	- Hoàn thiện, khai thác hiệu quả nền tảng dạy học trực tuyến (LMS, LCMS), dữ liệu học tập, đánh giá kết quả học tập.	Trong năm 2025	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	P.ĐT, Các đơn vị trực thuộc	- 100% bài giảng điện tử, học liệu, phần mềm mô phỏng thực tế ảo	Báo cáo việc cập nhật dữ liệu lên hệ thống. Báo cáo tổng hợp dạy học trực tuyến. Quyết định công nhận BGĐT, học liệu số
3	- Số hóa toàn bộ tài liệu giảng dạy, học liệu số; hệ thống ngân hàng câu hỏi thi.	Trong năm 2025	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	TTTTTV, P.ĐT, các đơn vị trực thuộc	100% giáo trình kèm theo CTĐT. - 30-50% ngân hàng câu hỏi thi	Quyết định công nhận
4	- Bổ sung hệ thống phần mềm kiểm tra đánh giá (quản lý ngân hàng câu hỏi thi và tổ chức thi) đảm bảo sự liên thông dữ liệu trong nhà trường.	Trong năm 2025	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	Chuẩn hóa	P.HC-QT, P.KT&ĐBCL	Bổ sung 01 hệ thống đáp ứng yêu cầu.	Hồ sơ dự án Báo cáo kết quả sử dụng
5	- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý điều hành hoạt động của nhà trường, cập nhật và khai thác hiệu quả								

	CSDL từ bên ngoài đồng thời cập nhật, làm mới dữ liệu theo quy định:								
	+ Ứng dụng AI trong quản lý điều hành, giảng dạy và truyền thông.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.HC-QT, các đơn vị	01 hệ thống	Hồ sơ dự án, Báo cáo kết quả sử dụng
	+ Ứng dụng phần mềm quản lý tổng thể các hoạt động của Nhà trường.	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.ĐT; Các đơn vị	Các nhiệm vụ chính	Báo cáo kết quả sử dụng
	+ Cập nhật, khai thác các CSDL dùng chung của quốc gia, của ngành theo quy định (Cán bộ; tài sản; tài chính; văn bằng; tuyển sinh; đào tạo; đầu thầu).	Trong năm 2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Các đơn vị	07 CSDL	Báo cáo
6	- Tăng cường đầu tư và sử dụng phòng học thông minh, ứng dụng công nghệ thực tế ảo. Đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, giảm thiểu rác thải trong nhà trường:								
	+ Đầu tư các thiết bị thông minh dùng chung (bảng tương tác, TV kết nối).	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.HC-QT	15 chiếc mỗi loại	Hồ sơ dự án, Báo cáo kết quả sử dụng
	+ Bổ sung các phần mềm thực tế ảo, khai thác hiệu quả các phần mềm đã trang bị.	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.HC-QT	10 phần mềm	Hồ sơ dự án, Báo cáo kết quả sử dụng
	+ Trang bị hệ thống đèn chiếu sáng dùng năng lượng mặt trời.	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.HC-QT	Dọc đường đi và khu nội trú	Báo cáo kết quả xanh hóa trường học

	+ Áp dụng các giải pháp tái chế, sử dụng hiệu quả rác thải.	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.ĐT	3 giải pháp/giai đoạn	Báo cáo kết quả xanh hóa trường học
7	- Tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu trường học thông minh (gồm hạ tầng CNTT và các nền tảng số về dữ liệu, ứng dụng và kết nối phục vụ các hoạt động của nhà trường) đảm bảo tính kết nối liên thông nội bộ và với một số hệ thống khác.								
	+ Bổ sung máy chủ, hệ thống an toàn thông tin	Tháng 12/2025	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	P.HC-QT	01 máy chủ và 01 phần mềm	Hồ sơ dự án, Báo cáo kết quả sử dụng
	+ Xây dựng hệ thống CSDL của Nhà trường	Trong năm	Trong năm	Trong năm	Trong năm	Trong năm	Các đơn vị	Hệ thống dữ liệu	Hồ sơ dự án, Báo cáo kết quả xây dựng CSDL
II.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát									
1	- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra:								
	+ Kiểm tra, giám sát thường xuyên hàng tuần, tháng: Việc triển khai các nội dung của kế hoạch, kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.	Hàng tuần, tháng	Hàng tuần, tháng	Hàng tuần, tháng	Hàng tuần, tháng	Hàng tuần, tháng	P.ĐT	Hàng tuần: trước 11:30 thứ 2. Hàng tháng: trước ngày 19. báo cáo	Báo cáo

								BCHĐB, Sở KH-CN tỉnh	
	+ Giám sát thực hiện theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025	Quý II hàng năm	Quý II hàng năm	Quý II hàng năm	Quý II hàng năm	Quý II hàng năm	P.TCCB- HSSV	Các yêu cầu theo KH 142	Hồ sơ giám sát
2	- Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.	Tháng 6, tháng 12 hàng năm	Tháng 6, tháng 12 hàng năm	Tháng 6, tháng 12 hàng năm	Tháng 6, tháng 12 hàng năm	Tháng 6, tháng 12 hàng năm	P.ĐT, P.TCCB- HSSV	6 tháng, 01 năm	Báo cáo